TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 102/2022/DS -ST
Ngày: 13 tháng 6 năm 2022
V/v tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Duy Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tấn Đạt.
2. Ông Phan Thanh Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoài Phong-Kiểm sát viên.*

Ngày 13 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021, về việc tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T.
Địa chỉ: 108, Trần Hưng Đ, Quận H, thành phố H.
- Người đại diện theo pháp luật Ông Trần Minh B – Chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng T.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh B là ông Phạm Hoàng Anh T. Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng T – chi nhánh T.
Địa chỉ: 15B N, Phường 4, TP. M, tỉnh T là người đại diện theo văn bản ủy quyền số 1051/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 17/9/2021 của chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng T.
Người được ủy quyền của ông Phạm Hoàng Anh T là ông Nguyễn T; (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Lệ H, sinh năm 1966; (Có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Ông Bùi Văn C, sinh năm 1966; (vắng mặt)
2/ Ông Bùi Văn H, sinh năm 1987; (vắng mặt)

3/ Ông Bùi Văn H1, sinh năm 1989; (vắng mặt)
4/ Bà Bùi Thị H2, sinh năm 1994; (vắng mặt)
5/ Ông Bùi Tấn L, sinh năm 1999; (vắng mặt)
6/ Bà Võ Thị M, sinh năm 1989; (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh Nguyễn T là đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng T trình bày:*

Ngân hàng T – chi nhánh T có ký với bà Lê Thị Lệ H các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số HĐTD số: TH16.046/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 23/03/2016, số tiền cho vay: 5.700.000.000 đồng, ngày vay: 23/03/2016, hạn trả cuối cùng: 23/03/2027, lãi suất cho vay trong hạn: 11%/năm, Ưu đãi 7%/năm theo quy định của chương trình cho vay đối với lĩnh vực thủy sản đối với khách bán lẻ theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ, lãi suất phạt quá hạn: 50% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay vốn: Bổ sung vốn đóng mới 01 tàu cá vỏ gỗ khai thác thủy hải sản, công suất máy 811CV theo Nghị Định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ, thỏa thuận về phương thức trả gốc lãi: vốn gốc 03 tháng/lần, lãi trả hàng tháng. Tính đến ngày 13/6/2022 dư nợ gốc còn 3.935.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 13/6/2022 là 506.264.996 đồng (trong đó lãi trong hạn là 448.453.808 đồng, lãi phạt 57.811.188 đồng). Tổng cộng vốn và lãi của khoản vay này là 4.441.264.996 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số TH17.191/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 08/08/2017 số tiền cho vay: 1.850.000.000 đồng, ngày vay: 08/08/2017, hạn trả cuối cùng: 12/08/2024, lãi suất cho vay trong hạn: 11%/năm, Ưu đãi 7%/năm theo quy định của chương trình cho vay đối với lĩnh vực thủy sản đối với khách bán lẻ theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ, lãi suất phạt quá hạn: 50% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay vốn: Bổ sung vốn sữa chữa, nâng cấp tàu cá TG-91016-TS theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP, thỏa thuận về phương thức trả gốc lãi: gốc 03 tháng/lần, lãi trả hàng tháng. Tính đến ngày 13/6/2022 dư nợ gốc còn 1.137.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 13/6/2022 là 106.001.028 đồng (trong đó lãi trong hạn là 88.538.904 đồng, lãi phạt 17.462.124 đồng). Tổng cộng vốn và lãi của khoản vay này là 1.243.001.028 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng số 074/2019-HĐCV/NHCT760034 ngày 05/04/2019 số tiền cho vay: 700.000.000 đồng, ngày vay: 05/04/2019, hạn trả cuối cùng: 06/04/2026, lãi suất cho vay trong hạn: 10.5%/năm, lãi suất phạt quá hạn: 50% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí mua tàu cá, thỏa thuận về phương thức trả gốc lãi: gốc 03 tháng/lần, lãi trả hàng tháng. Tính đến ngày 13/6/2022 dư nợ gốc còn 525.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 13/6/2022 là 99.032.854 đồng (trong đó lãi trong hạn là 94.153.082 đồng, lãi phạt 4.879.772 đồng). Tổng cộng vốn và lãi của khoản vay này 624.032.854 đồng.

4. Hợp đồng tín dụng số 099/2020-HĐCVHM/NHCT76032 ngày 15/4/2020 số tiền cho vay: 1.800.000.000 đồng, ngày vay: 15/04/2020, hạn trả cuối cùng: 15/04/2021, lãi suất cho vay trong hạn: 8,0%/năm, lãi suất phạt quá hạn: 50% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay vốn: Bổ sung chi phí khai thác thủy sản, thỏa thuận về phương thức trả gốc lãi: gốc theo từng giấy nhận nợ tối đa 06 tháng/lần, lãi trả hàng tháng. Tính đến ngày 13/6/2022 dư nợ gốc còn 1.480.931.232 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 13/6/2022 là 328.601.191 đồng (trong đó lãi trong hạn là 216.954.404 đồng, lãi phạt 111.646.787 đồng). Tổng cộng vốn và lãi của khoản vay này là 1.809.532.423 đồng.

5. Hợp đồng tín dụng số 019/2020-HĐCV/NHCT760034 ngày 21/01/2020 số tiền cho vay: 350.000.000 đồng, ngày vay: 21/01/2020, hạn trả cuối cùng: 21/01/2025, lãi suất cho vay trong hạn: 10.0%/năm, lãi suất phạt quá hạn: 50% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay vốn: thanh toán chi phí sửa chữa tàu cá, mua ngư lưới cụ (nguồn vốn mà khách hàng đã ứng vốn thuộc sở hữu của khách hàng), thỏa thuận về phương thức trả gốc lãi: gốc 03 tháng/lần, lãi trả hàng tháng.

Nghĩa vụ của các hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp như sau:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số TH15.185/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 16, diện tích: 173,7 m^2 mục đích sử dụng đất T tại Đường tỉnh 871, Khu phố 4, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang – theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00551QSDĐ/648/QĐUB(H)/8/03 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/02/2004 cho hộ bà Lê Thị Lệ H.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số TH15.185/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015 đối với thửa đất số 589, tờ bản đồ số 16, diện tích 98,4 m^2, mục đích sử dụng Đất ở đô thị+TCLN tại thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang – theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CH01928 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/09/2014 cho bà Lê Thị Lệ H.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số TH15.185/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015 đối với thửa đất số 451, tờ bản đồ số 16, diện tích 187 m^2 mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác tại thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang – theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CH00672 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/06/2011 cho bà Lê Thị Lệ H.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số TH15.185A/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số

TH15.185A/2015-HĐTC-SĐBS01/NHCT760 ngày 07/8/2017 đối với tàu cá số đăng ký TG-92264-TS công suất 410 mã lực theo Giấy chứng nhận đăng ký số 287/2014 do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 19/11/2014.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số TH15.185A/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số TH15.185A/2015-HĐTC-SĐBS01/NHCT760 ngày 07/8/2017 đối với tàu cá số đăng ký TG-91016-TS công suất 898 mã lực theo Giấy chứng nhận đăng ký số 199/2017 do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 20/6/2017 thuộc sở hữu bà Lê Thị Lệ H và ông Bùi Văn C.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số TH16.217/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/10/2016 đối với tàu cá số đăng ký TG-91264-TS công suất 820 mã lực Giấy chứng nhận đăng ký số 244/2016 do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 24/06/2016 thuộc sở hữu bà Lê Thị Lệ H và ông Bùi Văn C.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số TH16.218/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/10/2016 đối với tàu cá số đăng ký TG-92678-TS công suất 250 mã lực Giấy chứng nhận đăng ký số 396/2015 do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 03/12/2015 thuộc sở hữu bà Lê Thị Lệ H và ông Bùi Văn C.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 074/2019/HĐBĐ/NHCT760034 ngày 04/04/2019 đối với tàu cá số đăng ký TG-93020-TS công suất 350 mã lực Giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá số 65/2019 do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 12/03/2019 thuộc sở hữu bà Lê Thị Lệ H và ông Bùi Văn C.

Kỳ hạn gốc và lãi tháng 09/2020 đến hạn vào ngày 07/09/2020 bà H vẫn chưa thanh tóan cho Ngân hàng T nên toàn bộ khoản vay nêu trên của bà H tại Ngân hàng T đã chuyển nợ quá hạn.

Do bà Lê Thị Lệ H vi phạm các hợp đồng tín dụng nêu trên, không trả nợ đúng định kỳ nên Ngân hàng T khởi kiện. Tính đến ngày 13/6/2022 bà H còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền gốc của 05 hợp đồng tín dụng nêu trên là 7.397.931.232 đồng, tiền lãi trong hạn là 904.859.102 đồng, tiền lãi phạt là 195.879.675 đồng, tổng cộng là 8.498.670.009 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu tính lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Nếu bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thời hạn, Ngân hàng T đề nghị xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về khoản tiền chi phí tố tụng do Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp, Ngân hàng T đã tạm ứng số tiền là 600.000 đồng nên yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Lệ H hoàn trả lại số tiền này khi án có hiệu luật pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Lệ H trình bày ý kiến:* Bà thống nhất với ý kiến trình bày của Ngân hàng về việc bà còn nợ Ngân hàng T tổng dư nợ gốc và lãi của cả 05 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 13/6/2022, tổng cộng là 8.498.670.009 đồng, trong đó vốn gốc là 7.397.931.232 đồng, nợ lãi là 1.100.738.777 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 904.859.102 đồng, tiền lãi

phạt là 195.879.675 đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu bà trả số tiền như đã nêu trên bà đồng ý trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên, Ngân hàng yêu cầu bà trả số tiền này làm một lần thì gia đình bà không có khả năng trả, bà xin Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình bà trả dần số nợ này cho Ngân hàng, gia đình bà sẽ bán tàu cá và đất để trả nợ cho Ngân hàng nhưng trả cụ thể bao nhiêu và thời gian trả tiền thì bà không chắc được do phải kêu bán tàu cá và đất.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn C, ông Bùi Văn H, ông Bùi Văn H1, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Tấn L, bà Võ Thị M đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam.*

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Việc lập hồ sơ, tiến hành xét xử của Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm nên Viện kiểm sát không có kiến nghị. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng T khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Lê Thị Lệ H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa ông Bùi Văn C, ông Bùi Văn H, ông Bùi Văn H1, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Tấn L, bà Võ Thị M đã được Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2); Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bà H trả tổng số tiền vốn, tiền lãi tính đến ngày 13/6/2022 của 05 hợp đồng tín dụng tổng cộng là 8.498.670.009 đồng, trong đó số tiền vốn vay là 7.397.931.232 đồng, tiền lãi trong hạn là 904.859.102 đồng, tiền lãi phạt là 195.879.675 đồng.

Hội đồng xét xử nhận định: Bà Lê Thị Lệ H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng T khởi kiện bà H là phù hợp theo Điều 8 của các Hợp tín dụng hai bên đã ký.

Nội dung của các hợp đồng tín dụng số: TH16.046/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 23/03/2016, TH17.191/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 08/08/2017, số 074/2019-HĐCV/NHCT760034 ngày 05/04/2019, 099/2020-HĐCVHM/NHCT76032 ngày 15/4/2020, 019/2020-HĐCV/NHCT760034 ngày 21/01/2020 phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và được các bên ký trên cơ sở thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số TH15.185/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015, các hợp đồng thế chấp tài sản số TH15.185A/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số TH15.185A/2015-HĐTC-SĐBS01/NHCT760, số TH16.217/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/10/2016, số TH16.218/2016 - HĐTC/NHCT760 ngày 21/10/2016, số 074/2019/HĐBĐ/NHCT760034 ngày 04/04/2019 đã được Phòng công chứng Đ, tỉnh Tiền Giang chứng thực và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang và Trung tâm đăng ký giao dịch thành phố Hồ Chí Minh; Nội dung các hợp đồng tín dụng nêu trên thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Lệ H thống nhất số tiền vốn vay và tiền lãi tính đến ngày 13/6/2022 là 8.498.670.009 đồng. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận định bà Lê Thị Lệ H có nợ Ngân hàng T tổng số tiền vốn vay và tiền lãi tính đến ngày 13/6/2022 là 8.498.670.009 đồng nên theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, bà Lê Thị Lệ H phải có nghĩa vụ trả tiền Ngân hàng T. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà H phải có trách nhiệm trả tiền lãi theo quy định tại Điều 8 của các Hợp tín dụng. Việc tính lãi của nguyên đơn phù hợp với quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng T yêu cầu bà Lê Thị Lệ H trả tiền một lần khi án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu tính lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Hội đồng xét xử nhận thấy, do bà Lê Thị Lệ H vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo các hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng T yêu cầu bà Lê Thị Lệ H trả tiền một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp. Việc Ngân hàng T yêu cầu bà Lê Thị Lệ H tiếp tục trả lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy các hợp đồng tín dụng số: TH16.046/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 23/03/2016, TH17.191/2017-HĐTD/NHCT760 ngày

08/08/2017, số 074/2019-HĐCV/NHCT760034 ngày 05/04/2019, 099/2020-HĐCVHM/NHCT76032 ngày 15/4/2020, 019/2020-HĐCV/NHCT760034 ngày 21/01/2020 và được các bên ký trên cơ sở thế chấp thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số TH15.185/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015, các hợp đồng thế chấp tài sản số TH15.185A/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số TH15.185A/2015-HĐTC-SĐBS01/NHCT760, số TH16.217/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/10/2016, số TH16.218/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/10/2016, số 074/2019/HĐBĐ/NHCT760034 ngày 04/04/2019 nên khi bà Lê Thị Lệ H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo các hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng Tđược quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Bùi Văn C, ông Bùi Văn H, ông Bùi Văn H1, bà Bùi Thị H2, ông Bùi Tấn L, bà Võ Thị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án, không nộp bản tự khai, không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T và vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình, đồng thời đây cũng là những tình tiết và sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử nhận định việc Ngân hàng T đề nghị xử lý các tài sản thế chấp trong các hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu của Ngân hàng T yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Lệ H hoàn trả lại tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, tại chỗ là 600.000 đồng khi án có hiệu luật pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xét thấy cần thiết và quyết định tiến hành xem xét thẩm định, tại chỗ đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, các tàu cá theo các hợp đồng thế chấp số TH15.185/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015, TH15.185A/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số TH15.185A/2015-HĐTC-SĐBS01/NHCT760, số TH16.217/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/10/2016, số TH16.218/2016 HĐTC/NHCT760 ngày 21/10/2016, số 074/2019 /HĐBĐ/NHCT760034 ngày 04/04/2019 theo quy định tại Điều 156 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Ngân hàng T đã tạm ứng số tiền nêu trên, việc Ngân hàng Tyêu cầu bà Lê Thị Lệ H hoàn trả lại tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, tại chỗ 600.000 đồng khi án có hiệu luật pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng T đã nộp. Bà Lê Thị Lệ H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 299, 163, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc bà Lê Thị Lệ H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền vốn vay và tiền lãi tính đến ngày 13 tháng 6 năm 2022 theo các Hợp đồng tín dụng số: TH16.046/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 23/03/2016, TH17.191/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 08/08/2017, số 074/2019-HĐCV/NHCT760034 ngày 05/04/2019, 099/2020-HĐCVHM/NHCT76032 ngày 15/4/2020, 019/2020-HĐCV/NHCT760034 ngày 21/01/2020 tổng cộng là 8.498.670.009 đồng (tiền vốn vay là 7.397.931.232 đồng, tiền lãi trong hạn là 904.859.102 đồng, lãi phạt 195.879.675 đồng). Thời gian thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 14/6/2022 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bà Lê Thị Lệ H còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp tín dụng số TH16.046/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 23/03/2016, TH17.191/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 08/08/2017, số 074/2019-HĐCV/NHCT760034 ngày 05/04/2019, 099/2020-HĐCVHM/NHCT76032 ngày 15/4/2020, 019/2020-HĐCV/NHCT760034 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay phải tiếp tục thanh toán thực hiện theo các Hợp tín dụng TH16.046/2016-HĐTD/NHCT760 ngày 23/03/2016, TH17.191/2017-HĐTD/NHCT760 ngày 08/08/2017, số 074/2019-HĐCV/NHCT760034 ngày 05/04/2019, 099/2020-HĐCVHM/NHCT76032 ngày 15/4/2020, 019/2020-HĐCV/NHCT760034 của Ngân hàng T.

Trường hợp bà Lê Thị Lệ H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo đúng quy định, Ngân hàng T được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp như sau:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số TH15.185/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 16, diện tích: 173,7 m^2 mục đích sử dụng đất T tại Đường tỉnh 871, Khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh T – theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số

00551QSDĐ/648/QĐUB(H)/8/03 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 16/02/2004 cho hộ bà Lê Thị Lệ H.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số TH15.185/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015 đối với thửa đất số 589, tờ bản đồ số 16, diện tích 98,4 m^2, mục đích sử dụng Đất ở đô thị+TCLN tại thị trấn thị trấn V, huyện G, tỉnh T – theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CH01928 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 05/09/2014 cho bà Lê Thị Lệ H.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số TH15.185/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015 đối với thửa đất số 451, tờ bản đồ số 16, diện tích 187 m^2 mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác tại thị trấn V, huyện G, tỉnh T – theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CH00672 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 22/06/2011 cho bà Lê Thị Lệ H.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số TH15.185A/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số TH15.185A/2015-HĐTC-SĐBS01/NHCT760 ngày 07/8/2017 đối với tàu cá số đăng ký TG-92264-TS công suất 410 mã lực theo Giấy chứng nhận đăng ký số 287/2014 do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 19/11/2014.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số TH15.185A/2015-HĐTC/NHCT760 ngày 15/09/2015 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số TH15.185A/2015-HĐTC-SĐBS01/NHCT760 ngày 07/8/2017 đối với tàu cá số đăng ký TG-91016-TS công suất 898 mã lực theo Giấy chứng nhận đăng ký số 199/2017 do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 20/6/2017 thuộc sở hữu bà Lê Thị Lệ H và ông Bùi Văn C.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số TH16.217/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/10/2016 đối với tàu cá số đăng ký TG-91264-TS công suất 820 mã lực Giấy chứng nhận đăng ký số 244/2016 do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 24/06/2016 thuộc sở hữu bà Lê Thị Lệ H và ông Bùi Văn C.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số TH16.218/2016-HĐTC/NHCT760 ngày 21/10/2016 đối với tàu cá số đăng ký TG-92678-TS công suất 250 mã lực Giấy chứng nhận đăng ký số 396/2015 do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 03/12/2015 thuộc sở hữu bà Lê Thị Lệ H và ông Bùi Văn C.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 074/2019/HĐBĐ/NHCT760034 ngày 04/04/2019 đối với tàu cá số đăng ký TG-93020-TS công suất 350 mã lực Giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá số 65/2019 do Chi cục Thủy sản Tiền Giang cấp ngày 12/03/2019 thuộc sở hữu bà Lê Thị Lệ H và ông Bùi Văn C.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Lệ H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Tsố tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 600.000 đồng.

3. Về án phí:

- Bà Lê Thị Lệ H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 116.498.670 đồng.

- Ngân hàng T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 58.050.000 đồng theo biên lai số 0007404 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hs.av

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Duy Linh